

Bản án số: 162/2022/DS-PT

Ngày 06/5/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án ND tỉnh ĐT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26/4/2022 và 06/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐ-PT ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: là ông Hồ Thanh H1 là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Lợi, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 102 Võ Văn K, phường An Thạnh, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị L1, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Phú Hòa A, xã Phú Thuận A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Long Thới B, xã Long Thuận, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2021).

- Người kháng cáo: Lê Thị L1.

(Bà V, anh G, luật sư H1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh V, trình bày:

Bà V và bà L1 không có bà con, chỉ là hàng xóm. Bà L1 đã từng tham gia hội do bà V làm chủ vào năm 2016, nhưng hiện nay các dây hội này đã kết sổ. Nhưng bà L1 vẫn còn nợ tiền hội của bà V, cụ thể:

1/ Hội mở lần đầu ngày 25/3/2016 âm lịch, hội thàng 2.000.000đ, gồm 20 phần, bà L1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất, bà L1 hốt đầu tiên, đưa ra lãi là 380.000đ, lĩnh được 28.360.000đ, không có châu hội chết cho bà. Phần thứ hai, bà L1 hốt hội kỳ thứ ba, đưa ra mức lãi là 450.000đ, lĩnh được 29.550.000đ, không châu hội chết. **Bà V châu hội hết cho bà L1 số tiền cụ thể bao nhiêu không nhớ.**

2/ Hội mở ngày 21/3/2016 âm lịch, hội thàng 3.000.000đ, gồm 22 phần, bà L1 tham gia 01 phần. Bà L1 hốt hội kỳ thứ hai, đưa ra mức lãi là 720.000đ, lĩnh được 47.400.000đ, không châu hội chết.

3/ Hội mở ngày 09/3/2016 âm lịch, hội thàng 2.000.000đ, gồm 21 người, bà L1 tham gia 01 phần, bà L1 hốt hội kỳ thứ nhất, đưa ra mức lãi là 550.000đ, lĩnh được số tiền 26.750.000đ, không châu hội chết.

4/ Dây hội mở ngày 12/12/2016 âm lịch, hội thàng 3.000.000đ, gồm 22 phần, bà L1 tham gia một phần, bà L1 lĩnh hội đầu tiên, đưa ra mức lãi 815.000đ, lĩnh được số tiền là 44.685.000đ, không châu hội chết.

5/ Hội 10 ngày 200.000đ mở ngày 12/9/2016 âm lịch, gồm 47 phần, bà L1 tham gia 2 phần, bà L1 lĩnh hội kỳ thứ mấy không nhớ, chỉ nhớ lĩnh hội phần thứ nhất được số tiền 6.750.000đ, phần thứ hai được số tiền 6.540.000đ, không châu hội chết.

6/ Hội ngày 20.000đ, bà mở hội lần đầu ngày 27/5/2016, hội gồm 65 phần, bà L1 tham gia 45 phần, ngày đầu bìa hội bà L1 đã lĩnh 45 phần, đưa ra mức lãi là 2.000đ/phần, được số tiền 50.940.000đ, châu hội chết được 18 ngày $\times 900.000đ = 16.200.000đ$, còn nợ lại bà 46 ngày $\times 900.000đ = 41.400.000đ$.

Tổng cộng tiền hội bà L1 còn nợ lại bà số tiền là: 231.435.000đ.

Hiện các giấy tờ hội nêu trên đã lâu không còn để cung cấp cho Tòa án.

Không nhớ ngày tháng, năm 2017, bà V và bà L1 gặp nhau để chốt lại số tiền hội mà bà L1 còn nợ bà V, tại nhà bà L1, có mặt bà V và bà L1, có làm giấy tờ nhưng bà L1 giữ.

Bà V và bà L1 thỏa thuận, bà L1 mượn tiền hội của bà để trả qua tiền hội chết mà bà L1 nợ bà V, việc thỏa thuận không làm giấy tờ, chỉ có bà V và bà L1 biết. Cụ thể bà L1 tham gia hội do bà làm chủ; Bà L1 đến vay tiền bà V, nên bà đưa ra mức lãi để hốt hội sống, hốt hội được tiền thì đưa cho bà L1 vay, sau

đó bà L1 đóng hui chết cho bà. Vay tiền gồm các lần (bà hốt hui do chính bà làm chủ), như sau:

1/ Ngày 25/3/2016, dây hui 2.000.000đ, một tháng khui một lần, gồm 20 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 450.000đ, hốt được số tiền 36.500.000đ.

2/ Ngày 29/02/2017, dây hui 1.000.000đ, 25 phần, bà tham gia 01 phần, bà đưa ra mức lãi 230.000đ hốt được số tiền 21.610.000đ. Tại phiên tòa, thống nhất rút lại phần này.

3/ Ngày 02/7/2017, dây hui 1.000.000đ, 22 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 200.000đ, hốt hui được số tiền 18.600.000đ.

4/ Ngày 25/9/2017, dây hui 2.000.000đ, 20 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 490.000đ, hốt hui được số tiền 31.360.000đ.

5/ Ngày 21/11/2017, dây hui 3.000.000đ, 26 phần, bà tham gia 01 phần, đưa ra mức lãi 830.000đ, hốt hui được số tiền 56.880.000đ.

(Các đương sự tính theo ngày âm lịch.)

Tổng cộng 05 lần mượn hui với số tiền: 164.950.000đ. Trừ qua số tiền hui chết bà L1 còn nợ lại 67.435.000đ. Sau đó, có trả cho bà được số tiền 66.000.000đ, còn lại khoảng 1.700.000đ thì bà bỏ, không tính nữa. Nhưng từ khi mượn hui thì bà L1 cũng không châu hui chết cho bà được ngày nào.

6/ Ngày 26/11/2017, vay 150.000.000đ, có làm Biên nhận do bà L1 viết nhưng bà L1 không có ký tên, lãi suất 2%/tháng, đóng được khoảng 5-6 tháng, được số tiền 12.000.000đ, việc đóng lãi không có làm biên nhận. Không nhớ ngày tháng năm bà L1 trả được tiền gốc 50.000.000đ, có làm Biên nhận do bà ghi hiện bà L1 đang giữ, còn nợ lại số tiền 100.000.000đ. Bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong 06 lần vay tiền đều ghi Biên nhận nhưng không ai chứng kiến, các tờ biên nhận đều là do bà L1 viết. Biên nhận ngày 26 tháng 11 không có năm với nội dung là bà L1 có mượn số tiền là 150.000.000đ là chữ viết của bà L1, bà yêu cầu Tòa án giám định chữ viết của bà L1. Vì bà L1 hứa bán đất hoặc vay tiền Nhà nước để trả nợ cho bà nên bà tin tưởng liên tục cho bà L1 vay tiền. Việc anh G trình bày có mượn tiền hui nhưng bà không có đưa tiền là không đúng sự thật vì mỗi lần nhận tiền thì bà L1 đều làm Biên nhận. Còn việc có hai dòng chữ nội dung giống nhau là vì bà giao hui nên bà ghi Biên nhận giao cho bà L1 còn bà L1 nhận tiền thì ghi Biên nhận giao cho bà giữ. Bà sẽ cung cấp những người làm chứng chứng minh bà có cho bà L1 mượn hui.

Đến ngày 25/4/2019 thì bà L1 có tham gia dây hui do bà làm chủ, hui 2.000.000đ, có 19 phần, bà L1 tham gia 01 phần, bà L1 châu được 01 lần với số tiền 1.580.000đ thì ngưng không châu nữa do bị vỡ nợ, dây hui này hiện chưa mãn. Anh G trình bày 1.800.000đ bà không đồng ý.

Tổng cộng hiện tại bà L1 nợ bà số tiền 264.950.000đ. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị L1 trả lại số tiền vay còn nợ 264.950.000đ, không yêu cầu tính lãi. Bà

chỉ yêu cầu một mình bà L1 trả nợ không yêu cầu thành viên khác trong gia đình bà L1 trả nợ.

Bà L1 từng nhờ bà vô dùm bà L1 một phần hội tháng 5.000.000đ, do bà Nguyễn Thị H2 làm chủ, lĩnh hội để trả lại số tiền nợ bà. Sau đó, bà lĩnh phần hội của bà H2 được số tiền 86.600.000đ nhưng bà L1 không chịu cần qua số tiền hội đã nợ. Bà L1 cũng không châu hội chết cho bà H2, anh G chỉ thừa nhận số tiền vay 100.000.000đ, không thừa nhận số tiền nợ hội. Nay bà L1 có yêu cầu phản tố yêu cầu bà trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức lãi suất quy định là 243.040.000đ và số tiền hội là 3.000.000đ (Trong đó, số tiền hội ngày bà L1 đã đóng là 16.200.000đ, số tiền hội tháng bà L1 đã đóng được một tháng là 1.800.000đ, trừ đi số tiền hội bà L1 còn nợ 15.000.000đ, còn lại 3.000.000đ). Tổng cộng là 246.040.000đ (Hai trăm, bốn mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) thì bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L1.

Còn dây hội của bà Tư Bán vãi (Nguyễn Thị H2) mở ngày 02/6/2017 bà L1 nhờ bà vô dùm thì đã dứt xong, bà lĩnh hội từ bà Tư đã giao lại cho bà L1 rồi.

Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà L1 trả lại cho bà 100.000.000đ vay tiền mặt và 78.000.000đ vay tiền hội, tổng cộng 178.000.000đ.

- Bị đơn, bà Lê Thị L1 do anh Nguyễn Hữu G đại diện, trình bày: Bà L1 không có bà con gì với bà V, chỉ là hàng xóm. Bà L1 có tham gia chơi hội do bà V làm chủ. Chơi hội từ năm 2011, từ năm 2011 đến năm 2013 thì khi đưa ra mức lãi để được lĩnh hội thì bà V có giao tiền đầy đủ cho bà L1, còn từ năm 2013 đến nay bà L1 vẫn tiếp tục chơi hội do bà V làm chủ nhưng mỗi lần bà L1 lĩnh hội thì bà V không có đưa tiền cho bà L1, cụ thể: Dây hội ngày 12/10/2013 âm lịch, hội 20 phần, bà L1 tham gia hai phần, cho bà L1 1 phần, chị anh tên Thúy, không rõ họ tên 01 phần. Chị Thúy hót hội kỳ thứ nhất, đưa ra mức lãi 820.000đ, lĩnh được số tiền bao nhiêu không biết, bà V đưa biên nhận kêu mẹ anh ký tên khi nào gom hội thì đưa tiền sau nhưng bà V không đưa tiền, còn phần hội thứ hai thì mẹ anh lĩnh hội nhưng bà V cũng không đưa tiền. Bà L1 châu hội chết được số tiền bao nhiêu không nhớ, chỉ nhớ châu được vài tháng. Hai phần hội này anh cũng không rõ bà V nợ lại bà L1 bao nhiêu tiền. Đối với dây hội này bà L1 không có yêu cầu bà V trả tiền lại. Hội ngày, không rõ mở ngày nào, không xác định được người tham gia, 45 dây hội, ngày 20.000đ, bà L1 tham gia 45 phần, mỗi dây tham gia 01 phần, dây hội này bà L1 châu được 18 ngày x 900.000đ = 16.200.000đ, hội này mãn rồi nhưng bà L1 chưa lĩnh hội, phần này bà V còn nợ lại 16.200.000đ. Hội tháng, mở ngày 21/11/2017, do bà V làm chủ, hội 3.000.000đ, gồm 26 phần, dây hội này bà V lĩnh được 56.880.000đ. Bà L1 mượn hội để trừ nợ, bà L1 châu lại hội chết được 21 lần còn nợ lại 05 lần chưa châu với số tiền 15.000.000đ.

Ngày 25/3/2016 bà V đến báo là bà L1 thiếu 150.000.000đ tiền hội, bà L1 thừa nhận nợ tiền hội bà V số tiền là 150.000.000đ nên đóng tiền lãi mỗi

tháng 9.000.000đ, từ ngày 25/3/2016 đến 25/7/2019 là 336.000.000đ, việc đóng lãi có làm giấy tờ. Tiền gốc thì có trả được 50.000.000đ vào ngày 13/9/2018. Còn biên nhận mà bà V nộp có nội dung bà L1 nợ 150.000.000đ ngày 26/11 là chữ viết của bà L1, nhưng không có ký tên nên không chấp nhận.

Bà V yêu cầu bà L1 tham gia dây hụi 02/6/2017 âm lịch của bà Tư bán vải để lĩnh hụi trả nợ, nhưng do bà V tham gia, lĩnh hụi, châu hụi. Bà L1 chỉ đưa tiền cho bà V châu hụi chết, châu 19 lần x 5.000.000đ = 95.000.000đ, nhưng bà V không trừ vào tiền hụi còn nợ. Không có làm giấy, nhưng có lần bà L1 không có tiền nên mượn tiền người khác để châu hụi, anh sẽ cung cấp họ tên người làm chứng.

Đến ngày 02/02/2019, bà V tiếp tục yêu cầu bà L1 tham gia dây hụi do bà Tư bán vải làm chủ, lĩnh hụi được 86.600.000đ bà V lấy tiền, bà L1 châu hụi sống 02 lần không nhớ số tiền, hụi chết được 04 lần x 5.000.000đ = 20.000.000đ, dây hụi này bà L1 châu được bao nhiêu không rõ, bà V không có làm biên nhận.

Bà L1 có mượn hụi của bà V 05 lần như bà V trình bày nhưng thực tế không được nhận tiền, trong 05 tờ Biên nhận mà bà V cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà L1. Nhưng thực tế bà L1 có trả nợ hụi cho bà V 04 dây ngày 25/3/2016, 29/02/2017, 02/7/2017, ngày 25/9/2017 đầy đủ, chỉ có dây hụi ngày 21/11/2017 là còn nợ lại 15.000.000đ. Việc trả tiền hụi không làm giấy tờ, vì châu hụi chết hàng tháng.

Đến ngày 25/4/2019, thì bà L1 có tham gia dây hụi do bà V làm chủ, hụi 2.000.000đ, có 19 phần, bà L1 tham gia 01 phần, bà L1 châu được 01 lần với số tiền 1.530.000đ, không có biên nhận, thì ngưng không châu nữa do bị vỡ nợ, dây hụi này hiện chưa mãn. Bà V đưa Biên nhận cho bà L1 ký tên nói là bà L1 lĩnh hụi rồi, nhưng thực tế chưa lĩnh.

Như vậy, bà L1 nợ tiền hụi bà V 150.000.000đ, đã trả được 50.000.000đ + 95.000.000đ (tiền hụi dây hụi 02/6/2017) cộng với tiền hụi ngày 02/02/2019 mà bà L1 châu 06 lần là coi như đã đủ số nợ 150.000.000đ.

Nay bà V yêu cầu bà L1 trả lại số tiền vay còn nợ gốc 264.950.000đ thì bà L1 không thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà V. Tại phiên tòa, anh G chấp nhận trả 15.000.000đ.

Bà L1 có yêu cầu phản tố yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức lãi suất quy định là 243.040.000đ và số tiền hụi là 3.000.000đ (Trong đó số tiền hụi ngày bà L1 đã đóng là 16.200.000đ, số tiền hụi tháng bà đã đóng được một tháng là 1.800.000đ, trừ đi số tiền hụi bà L1 còn nợ 15.000.000đ, còn lại 3.000.000đ). Tổng cộng là 246.040.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh G rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị L1 đã rút, về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả số tiền 246.040.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh V.

Buộc bà Lê Thị L1 trả cho bà Phạm Thị Thanh V số tiền vay và tiền hụi còn nợ 178.000.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Lê Thị L1 phải chịu 8.900.000đ, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.151.000đ, theo biên lai thu số BH/2018/0001388 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, còn phải nộp tiếp 2.749.000đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3.2. Bà Phạm Thị Thanh V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.624.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0001216 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí giám định: Buộc bà Lê Thị L1 phải trả lại cho bà Phạm Thị Thanh V 5.535.000đ (Năm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ngày 08/12/2021 bà L1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh G phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà V phát biểu: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư Hào phát biểu:

+ Bà L1 có chơi hụi với bà V theo Biên bản đối chất ngày 13/02/2020.

+ Kết luận giám định các biên nhận hụi và vay tiền.

+ Bà V giảm trừ tiền cho bà L1 là vì tình nghĩa.

+ Bà L1 không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả tiền cho bà V.

+ Các chứng cứ anh G nêu là không rõ ràng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng

xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch hui là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà L1 yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn vì bà L1 đã trả tiền nợ hui cho bà V nhiều lần, chỉ còn nợ 15.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với khoản tiền mượn hui, nguyên đơn bà V yêu cầu bà Lê Thị L1 trả số tiền 164.950.000đ, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ bà V đưa ra là các giấy ghi nhận tiền các phần hui ngày 25/3/2016, 29/02/2017, 02/7/2017, 25/9/2017, 21/11/2017.

Bên bị đơn thừa nhận bà L1 có ghi các giấy nhận tiền nhưng đã trả tiền, trừ căn chỉ còn nợ 15.000.000đ. Tuy nhiên bên bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là chỉ còn nợ 15.000.000đ.

Đối với khoản tiền vay 150.000.000đ bà V cũng đưa ra được chứng cứ là giấy ghi nợ của bà L1, tuy không có chữ ký tên nhưng có ghi rõ nội dung nợ. Bên bị đơn thừa nhận do bà L1 viết nhưng là khoản tiền nợ hui, nhưng chưa có cơ sở chứng minh là nằm trong khoản tiền hui. Trong khoản 150.000.000đ bên bà V thừa nhận bà L1 đã trả được 50.000.000đ. Do đó, chấp nhận khoản tiền vay theo trình bày của nguyên đơn là bà L1 còn nợ bà V 100.000.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 386 ngày 16/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ viết là của bà L1.

Tổng cộng bà V yêu cầu bà L1 trả nợ vay và nợ hui là 264.950.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm, bà V đã tự nguyện giảm trừ tiền nợ, chỉ yêu cầu bà L1 trả số tiền 178.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L1 trả số nợ 178.000.000đ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L1.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị L1 đã rút, về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh V trả số tiền 246.040.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh V.

Buộc bà Lê Thị L1 trả cho bà Phạm Thị Thanh V số tiền vay và tiền hội còn nợ 178.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Buộc bà Lê Thị L1 phải chịu 8.900.000đ, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.151.000đ, theo biên lai thu số BH/2018/0001388 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà L1 còn phải nộp tiếp 2.749.000đ.

3.2. Bà L1 phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai thu số BH/2018/0001388 ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3.3. Bà Phạm Thị Thanh V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.624.000đ theo biên lai thu số 0003815 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về chi phí giám định: 5.535.000đ. Do bà V đã nộp và chi xong số tiền 5.535.000đ, nên buộc bà Lê Thị L1 phải trả lại cho bà Phạm Thị Thanh V 5.535.000đ.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông